

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-PT

Ngày 13 - 4 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc Đ: Ông Phạm Hoàng G, sinh năm 1991; địa chỉ: Khóm M, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số B, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Mỹ H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Số B, ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017, Biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Trần Ngọc Đ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Đ là chủ Đại lý thức ăn PT và ông Nguyễn Văn T có thỏa thuận mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm. Tính đến ngày 25/01/2017 thì ông T còn nợ lại bà Đ số tiền 163.099.000 đồng, thì giữa hai bên có ký hợp đồng mua bán hàng hóa có thể hiện tính đến ngày 25/01/2017 thì ông T còn nợ lại bà Đ số tiền là 163.099.000 đồng và hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 25/01/2018, có thỏa thuận thêm “nếu ông T bán nhà thì trả đủ tiền còn nợ tôi”. Sau khi ký hợp đồng thì giữa hai bên không có thực hiện hợp đồng trên. Nay bà Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Mỹ H là vợ ông T phải trả số tiền còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm chưa thanh toán là 163.099.000 đồng và phải trả lãi theo mức lãi suất do Nhà nước quy định trong giai đoạn thi hành án.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 31/7/2017 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Thừa nhận vào năm 2012 có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm của bà Trần Ngọc Đ, thừa nhận nợ và ký hợp đồng như bà Đ trình bày. Do ông đứng tên nhà và đất không được hên (may mắn) nên để cho cha vợ là ông Trịnh Minh C đứng tên nhà và đất, không có việc mua bán, tặng cho hay hình thức nào khác nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà Trần Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm chưa thanh toán là 163.099.000 đồng thì ông thừa nhận còn nợ số tiền trên, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin bà Đ để ông nuôi tôm trúng sẽ trả nợ cho bà Đ.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 207, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 401, 428, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự,

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Đ đối với ông Nguyễn Văn T về việc đòi tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm còn thiếu là 163.099.000 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc Đ số tiền 163.099.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/12/2017, ông Nguyễn Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đưa ra xét xử phúc thẩm, với lý do: Ông không đồng ý trả cho bà Trần Ngọc Đ số tiền 163.099.000 đồng vì số tiền này

bà Đ hứa tiếp tục đầu tư lại cho ông nuôi tôm công nghiệp ở vụ sau; đối với Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 25/01/2017, bà Đ đã ghi thêm nội dung nên là hợp đồng không; việc giao dịch mua bán được xác lập giữa ông và bà Đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ ông là bà Trịnh Mỹ H cùng có trách nhiệm trả số tiền 163.099.000 đồng cho bà Đ là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm giữa Đại lý thức ăn PT do bà Trần Ngọc Đ làm chủ và ông Nguyễn Văn T là có diễn ra trên thực tế. Việc mua bán có làm sổ theo dõi, sau khi quyết toán thì ông T còn nợ bà Đ số tiền 163.099.000 đồng theo hợp đồng ngày 25/01/2017. Do ông T không thanh toán tiền cho bà Đ nhưng lại chuyển (sang) tên nhà và đất của ông T cho cha vợ của ông T là ông Trịnh Minh C đứng tên dưới hình thức tặng cho, nên bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền trên và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Ông T không đồng ý nên kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét thấy, ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Trần Ngọc Đ và bị đơn ông Nguyễn Văn T cùng thống nhất trình bày về giao dịch mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm, cụ thể: Bà Đ là chủ Đại lý thức ăn PT có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho ông T, giao dịch giữa hai bên không có làm hợp đồng, chỉ ghi nhận và ký vào sổ. Đến ngày 25/01/2017, hai bên ký hợp đồng mua bán hàng hóa với nội dung: Tính đến ngày 25/01/2017 bên B (ông T) còn nợ bên A (bà Đ) số tiền là 163.099.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tuy nhiên, bà Đ cho rằng ông T thực hiện việc chuyển tên nhà và đất cho người khác, không thực hiện đúng theo hợp đồng hai bên đã thỏa thuận nên

bà khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền 163.099.000 đồng. Ông T cho rằng ông không có khả năng trả nợ và thực tế không có việc mua bán, tặng cho nhà hay hình thức nào khác nhằm tẩu tán tài sản, do ông đứng tên nhà và đất không được may mắn (hên) nên để cho cha vợ ông là ông Trịnh Minh C đứng tên nhà và đất.

[4] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Thứ nhất, ông T cho rằng bà Đ hứa tiếp tục đầu tư cho ông nuôi tôm ở vụ sau nên không đồng ý trả số tiền 163.099.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Đ hứa đầu tư số tiền 163.099.000 đồng cho ông T nuôi tôm ở vụ sau. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cũng không thừa nhận có việc hứa hẹn này và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Đ xác định bà Đ không có hứa đầu tư cho ông T nuôi tôm ở vụ sau như ông T trình bày. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông T.

[6] Thứ hai, ông T cho rằng Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 25/01/2017, bà Đ đã ghi thêm nội dung nên là hợp đồng không. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Đ và ông T có ký kết hợp đồng mua bán, ông T cho rằng bà Đ ghi thêm nội dung “hoặc khi nào bán nhà trả đủ tiền” nên là hợp đồng không. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T cho rằng khi ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 25/01/2017 không có thỏa thuận hợp đồng này có hiệu lực đến ngày 25/01/2018 mà khi ký thỏa thuận ông sẽ trả tiền cho bà Đ từ từ. Tuy nhiên, ông T thừa nhận Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 25/01/2017 ông có ký tên và tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 (bút lục 26) ông T thừa nhận hợp đồng có hiệu lực đến ngày 25/01/2018 và có thỏa thuận thêm “nếu ông T bán nhà thì trả đủ tiền còn nợ tôi”. Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông T có nợ bà Đ số tiền 163.099.000 đồng và hai bên có thỏa thuận hợp đồng có hiệu lực đến ngày 25/01/2018 hoặc khi nào ông T bán nhà sẽ trả đủ tiền còn nợ cho bà Đ. Khi bà Đ khởi kiện mặc dù chưa đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nhưng do ông T vi phạm điều kiện đã thỏa thuận là chuyển (sang) tên nhà và đất của ông T cho ông Trịnh Minh C đứng tên. Đồng nghĩa với việc ông T không còn nhà và đất trả nợ cho bà Đ, là ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bà Đ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông T.

[7] Thứ ba, ông T cho rằng giao dịch mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm được xác lập giữa ông và bà Đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ ông là bà Trịnh Mỹ H cùng có trách nhiệm trả số tiền 163.099.000 đồng cho bà Đ là không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng mua bán là giữa ông và bà Đ ký kết, nhưng bà Trịnh Mỹ H với ông T là vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thừa nhận ông và bà H có đăng ký kết hôn, hiện tại vẫn còn chung sống và ông T cũng thừa nhận việc ông T nuôi tôm mục đích thu lợi nhuận là phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H

cùng có trách nhiệm với ông trả số tiền 163.099.000 đồng cho bà Đ là phù hợp với quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông.

[8] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T. Có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 401, 428, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc Đ đối với ông Nguyễn Văn T về việc đòi tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm còn thiếu là 163.099.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Mỹ H có trách nhiệm trả cho bà Trần Ngọc Đ số tiền 163.099.000 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Mỹ H phải chịu là 8.154.950 đồng. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Mỹ H phải nộp số tiền 8.154.950 đồng (Tám triệu một trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trần Ngọc Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ đã nộp tạm ứng số tiền 4.077.475 đồng theo biên lai thu số 0006581 ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 4.077.475 đồng tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006846 ngày 07/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ (01 bản);
- Đương sự (03 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Như